

Chuyện về Nha Trang, "Nha Trang là tên sông lấy đặt cho thành phố hay là tên thành phố dùng làm tên sông?"

Đôi điều vắn tắt về Quách Tấn:

Quách Tấn (QT): sinh ở Bình Định năm 1910 và mất ở Nha Trang năm 1992, thọ 82 tuổi.

QT là một nhà thơ lớn, gia sản thi ca của Ông có cả ngàn bài thơ, đa số sáng tác và dịch thuật Đường thi. Ngoài tài làm thơ mà chữ nghĩa rất mực cân nhắc gọt giũa điêu luyện, uyên bác và thâm thúy, QT còn là một nhà văn, nhà nghiên cứu và dịch giả.

Người đương thời ở địa phương phong tặng bốn (4) nhà thơ gồm Hàn Mặc Tử (LONG), Yến Lan (LÂN), Quách Tấn (QUY) và Chế Lan Viên (PHỤNG) là "Bàn Thành Tứ Hữu", nghĩa là bốn người bạn thơ ở thành Đồ Bàn.

QT từng giữ những chức vụ Phó Tỉnh Trưởng Bình Định và Khánh Hòa (năm 1963-1965).

Chuyện về "Nha Trang là tên sông lấy đặt cho thành phố hay là tên thành phố dùng làm tên sông" kèm theo dưới đây được trích từ tập Xứ Trầm Hương của chính cố thi sĩ Quách Tấn.

Trân trọng,

Lê-Thụy-Chi

(Mời xem thêm bài viết của Quách Giao là con trai của Quách Tấn, cũng viết thêm về chuyện Nha Trang và di ảnh của Quách Tấn).

"NHA TRANG LÀ TÊN SÔNG LẤY ĐẶT CHO THÀNH PHỐ HAY LÀ TÊN THÀNH PHỐ DÙNG LÀM TÊN SÔNG?"

QUÁCH TẤN

Có nhiều người cạm nghĩ hễ nghe nói là tin, tin rằng Nha Trang do hai chữ "Nhà Trắng" mà ra. Sự thật không phải thế.

Nha Trang là do tiếng Chàm Ya Tran mà ra.

Ya là nước, là sông;

Tran nghĩa là câu lau, cây sậy.

Ya Tran nghĩa là sông lau.

Vì con sông Cái chạy từ Diên Khánh xuống đến biển, mọc đầy lau lách ở hai bên bờ nên người Chàm gọi là Ya Tran. Sau khi đất Chiêm Thành sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam thì người Việt phiên

âm chữ Ya Tran ra Nha Trang để gọi con sông Cái chạy từ Diên Khánh đến biển.

Như thế, Nha Trang là tên sông.

Vì sao tên sông lại trở thành tên thành phố?

Xin đáp:

Phần đất Khánh Hòa ngày nay, khi còn thuộc về người Chiêm Thành tức là người Chăm thì gọi là Cù Huân (Kaut Hara). Đất Cù Huân sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam khoảng đầu thế kỷ 18, thời Chúa Nguyễn, Chúa Nguyễn đổi tên đất Cù Huân thành dinh Bình Khang, sau đổi là Bình Hòa. Dinh Bình Hòa chia làm 2 phái là phủ Ninh Hòa và phủ Diên Khánh. Dinh quan Tổng trấn Bình Hòa đóng tại Ninh Hòa mang tên là sông Sinh). Hậu bán thế kỷ thứ XVIII dinh Bình Hòa thuộc về nhà Tây Sơn là Trần Quang Diệu vào làm Tổng trấn, nhận thấy Ninh Hòa không có thể dụng binh, bèn dời dinh vào Diên Khánh. Để trấn giữ quân Chúa Nguyễn ở phía Nam, Trần Quang Diệu bèn xây thành đắp lũy kiên cố nơi đóng binh và gọi là Diên Khánh thành.

Vào cuối thế kỷ thứ XVIII, Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Ánh đánh lấy được thành Diên Khánh, và cử tướng Nguyễn Văn Thành làm Tổng trấn Bình Hòa. Nguyễn Văn Thành cho xây đắp lại thành Diên Khánh, và lấy tên Nha Trang của con sông Cái mà đặt tên cho thành là Nha Trang thành.

Đến triều Minh Mạng (1820-1840) dinh Bình Hòa đổi thành tỉnh Khánh Hòa. Thành Nha Trang được xây lại theo kiểu Vauban và bỏ tên Nha Trang lấy lại tên Diên Khánh: Diên Khánh thành.

Sau khi thực dân Pháp chiếm được toàn cõi Việt Nam nói chung, tỉnh Khánh Hòa nói riêng, thì đặt cơ quan cai trị tại miền Duyên Hải và lấy hai chữ Nha Trang mà đặt tên cho địa phận đóng cơ quan cai trị tức là thành phố Nha Trang hiện thời.

Như thế là thành phố Nha Trang đã lấy tên sông, nhưng không phải lấy trực tiếp mà lấy qua thành Diên Khánh. Có người không đi sâu vào bối cảnh lịch sử, thấy sông Nha Trang chảy qua thành phố Nha Trang thì bảo sông mang tên thành phố.

* *
*

Để chứng minh cho những điều trình bày trên đây, tôi xin trích vài ba câu thơ cổ còn lưu truyền.

Đại Lãnh văn viên, cô nguyệt hạ

Nha Trang xạ hổ loạn vân gian.

Nghĩa là:

Lắng vượn trắng mờ đêm Đại Lãnh

Bắn hùm mây loạn núi Nha Trang.

Nha Trang đây là thành phố Nha Trang ở Diên Khánh chứ không phải là thành phố Nha Trang. Bởi vì thành phố Nha Trang mới bắt đầu xây dựng sau ngày thực dân Pháp đặt nền đô hộ trên toàn cõi Việt Nam dưới triều Đồng Khánh (1885-1888). Còn câu thơ này làm vào khoảng cuối triều Tự Đức (1848-1883). Đó là câu thơ của Nguyễn Tư Giản làm quan ở triều đình Huế tặng Nguyễn Thông làm Án sát tỉnh Khánh Hòa, dưới triều Nguyễn vẫn gọi là Khánh Hòa là Nha Trang thành:

Lưỡng ngạn lô hoa trường đảo hải

Tứ biên hoàng diệp tổng vi thu.

Nghĩa là:

Trắng ngập đôi bờ lau xuống biển

Vàng bay bốn mặt lá gieo thu.

Đó là câu thơ của nhà chí sĩ Trần Quý Cáp đã làm năm 1905, lúc cùng hai bạn đồng chí là Huỳnh Thúc Kháng và Phan Chu Trinh đi cổ động cho phong trào Đông du của chí sĩ Phan bội Châu ghé ngang qua Nha Trang. Trong câu thơ không có chữ Nha Trang nhưng câu “Lưỡng ngạn lô hoa trường đảo hải” cho chúng ta biết đó là sông Nha Trang. Bởi “Lưỡng ngạn lô hoa” nghĩa là “hai bên bờ sông hao lau”, mà “sông lau” tức là sông Nha Trang. Câu đó cũng cho chúng ta thấy rằng mãi đến thời thực dân phong kiến Nha Trang vẫn còn đầy lau lách ở hai bên bờ.

Như thế thì hai chữ Nha Trang quả là tên con sông Cái đã có từ xưa. Rồi tên sông lấy đặt tên cho thành, rồi tên thành lấy đặt tên cho thành phố, rồi thành phố và sông đều mang chung một tên.

* * *

*

Con sông Nha Trang đã đi vào lịch sử và đã vào văn chương, chẳng những văn chương chữ Hán mà cả văn chương chữ Việt. Xin cử một bài chữ Việt.

Sông Nha Trang,

Cát vàng sóng lục

Nhờ nhờ con cá đục

Lợi dọc lợi ngang...

Đã nguyện cùng em giữ dạ đá vàng,

Sao anh nỡ ham tách cà phê đen, ly sữa bò trắng

Mà phụ phàng nước non?!

*Bớ anh ơi,
Nét bia Hòn Chũr chưa mòn.
Lưỡi gương rửa hận hãy còn mài trắng.*



Quách Tấn

HÒN TRẠI THỦY TRƯỚC THỜI PHÁP THUỘC

QUÁCH GIAO

Hòn Trại Thủy là một thắng cảnh được du khách ưa đến thăm viếng nhất ở Khánh Hòa. Có nhiều bạn thắc mắc:

- Dù là thổ sơn thì cũng vẫn là núi, cứ sao lại lấy chữ “Thủy” là nước mà đặt tên?

Có người giải thích:

- Bởi vì trên núi có bồn chứa nước máy để phân phát cho thành phố Nha Trang.

Đó là câu trả lời của những người “Không biết mà làm ra vẻ biết” cũng như bảo Nha Trang là do chữ “Nhà Trắng” mà ra. Sự thật không phải thế.

Hòn Thổ sơn nổi danh này, ngoài tên Trại Thủy còn có tên nữa là Hòn Xưởng, Hòn Kho. *Đại Nam Nhất Thống Chí* chép là “Khố Sơn” (dịch Hòn Kho ra chữ Hán). Đó là những tên thông dụng. Núi còn một tên nữa rất ít người biết là Hoàng Mai Sơn gọi tắt là Mai Sơn, gọi nôm na là Non Mai. Tên này có trước tên Trại Thủy, Hòn Xưởng, Hòn Kho... Tên của khách văn chương đặt cho núi, và vốn coi mặt mà đặt tên.

Hòn Trại Thủy trước thời thực dân Pháp chiếm đóng Việt Nam, là một hòn núi mọc toàn mai. Những khóm mai cổ thụ, cội cao tàn cả, mọc chen vào những tảng đá hoa cương to lớn. Mỗi lần xuân đến hoa mai nở vàng cả núi. Hết mùa hoa mai thì lá mai đậm và lóng trùm lên núi một màu xanh lục lia và anh ánh. Sáng đông lá mai rụng hết núi trở thành một hòn núi trọc màu xám in

những nét đen nhạt của những cành khúc khuỷu, những cội u nần của những khóm mai già rần rỗi... Cảnh sắc mùa nào cũng đẹp để nên thơ.

Tên “Hoàng Mai Sơn” đã đẹp, núi lại còn một tên nữa cũng đẹp không thua “Ngọc Bức” tức là “con dơi ngọc”. Mệnh danh như thế là vì đứng ở Nam, xa xa nhìn thấy núi giống hình một con dơi nằm sải cánh, đầu hướng về Nam và trên núi có những tảng đá hoa cương nhấp nháy ánh sáng.

Để vịnh Hoàng Mai Sơn người xưa có câu:

*Hoàng Mai sơn hạ La Phù mộng,
Ngọc Bức danh trung Hiệp Phố tình.*

Nghĩa là: Dưới núi Hoàng Mai chợp được giấc mộng La Phù; trong tiếng Ngọc Bức có ngậm chứa tình Hiệp Phố.

Núi ở mặt ngoài thật là thanh nhã, ngò đầu ở bên trong lại có thể dụng binh.

Nhưng trước khi nói đến mặt quân sự của núi Hoàng Mai, tôi xin nói qua lịch sử của đất Khánh Hòa.

- Xưa kia Khánh Hòa là đất của Chiêm Thành gọi là Cù Huân (Kaut Hara). Cù Huân sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam khoảng đầu thế kỷ XVII, thời chúa Nguyễn, Cù Huân đổi thành dinh Bình Khang, sau đổi thành Bình Hòa. Dinh Bình Hòa chia làm hai phủ là phủ Diên Khánh và phủ Bình Hòa. Coi việc cai trị toàn dinh có quan Trấn Thủ. Dinh quan Trấn Thủ đóng tại Ninh Hòa gần sông (do đó sông Ninh Hòa mệnh danh là sông Dinh). Khoảng hậu bán thế kỷ thứ XVII, nhà Tây Sơn thắng chúa Nguyễn, dinh Bình Hòa thuộc về nhà Tây Sơn. Tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vào trấn Bình Hòa, nhận thấy Ninh Hòa không thể dụng binh bèn dời dinh Tổng Trấn vào Diên Khánh, xây thành đắp lũy để chống với quân chúa Nguyễn ở mặt Nam, về đường bộ. Để chống giữ về mặt biển, Trần Quang Diệu lại cách một đạo thủy binh xuống trấn miền duyên hải. Xét thấy núi Hoàng Mai vị thế hiểm trở, bèn dùng làm căn cứ quân sự. Trên núi thì cất trại lính, dưới núi về mặt Bắc gần sông lại đóng xưởng cất thuyền, lại đóng kho chứa lương thực. Vì vậy núi mới có tên là Trại Thủy hay Hòn Xưởng, Hòn Kho. Cuối thế kỷ XVIII Nguyễn Ánh đánh lấy lại được Dinh Bình Hòa. Quan trấn thủ do Nguyễn Ánh bổ nhiệm là Nguyễn Văn Thành vẫn giữ những căn cứ quân sự của Trần Quang Diệu để chống quân Tây Sơn. Năm 1802 Nguyễn Ánh diệt được nhà Tây Sơn, nắm được toàn cõi Việt Nam, mới dẹp bỏ những căn cứ quân sự không cần thiết. Những trại xưởng, kho ở núi Hoàng Mai Sơn cũng bị phá hủy. Vật không còn, song danh không mất. Người địa phương vẫn gọi núi là Trại Thủy hoặc Hòn Xưởng, Hòn Kho.

Đến năm 1885 kinh đô Huế bị thực dân Pháp đánh chiếm. Vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị xuống chiếu Cần Vương kêu gọi toàn dân Việt Nam đứng dậy chống thực dân Pháp. Nhân dân các tỉnh từ Huế trở ra và từ Huế trở vào đều ứng nghĩa Cần Vương.

Nghĩa binh Khánh Hòa do Trịnh Phong lãnh đạo dùng Hòn Trại Thủy làm căn cứ chiến đấu. Pháp đổ bộ lên bãi biển Nha Trang bị nghĩa quân Trịnh Phong chặn đánh không thể tiến bước. Nhờ lòng dũng cảm của nghĩa binh và

thể hiểm trở của Trại Thủy, Trịnh Phong đã chiến thắng quân xâm lăng nhiều trận. Nhưng rồi có người trong nghĩa quân làm phản, đem những bí mật quân sự cho địch biết, lại bày mưu cho địch để đánh nghĩa quân. Thực dân Pháp theo lời hướng dẫn của tên Việt gian phản quốc, dùng hỏa công đánh úp nghĩa binh. Để bảo toàn quân lực, Trịnh Phong theo đường bí mật rút quân ra khỏi Trại Thủy về giữ thành Diên Khánh. Quân Pháp. Quân Pháp dùng thuốc súng đốt rụi tất cả cây cối, lều trại trên hòn Trại Thủy và sau khi dẹp xong phong trào Cần Vương ở mọi nơi và đặt xong cơ quan cai trị ở Nha Trang, thực dân Pháp trở con đường từ Nha Trang lên Diên Khánh, dùng những tảng đá trên hòn Trại Thủy đập nát ra để lót đường. Từ ấy hòn Trại Thủy trở thành một hòn núi đất trơ trụi. Chỉ sườn núi phía sau còn vài lớp đá và trên núi còn vài khóm mai còi làm di tích cho những gì của núi đá có từ nghìn xưa.

Vào khoảng 1943-1944 Đại sư Giác Phong dời chùa Hải Đức ở dưới đường Hai Chùa Nha Trang lên cất ở đầu phía Tây núi Trại Thủy. Và khoảng 1955-1960 Hội Phật Học Khánh Hòa xây Kim Thân Phật Tổ ở đầu núi phía Đông. Sau đó những am, những cốc lần lượt xây cất và cây cối lần lần trồng ở khắp núi, làm cho hòn Trại Thủy mỗi ngày trở nên đẹp đẽ. Hiện nay núi đã trở thành một thắng cảnh nổi danh của Khánh Hòa.

Đến viếng cảnh Trại Thủy mà biết được “lý lịch” của núi một cách khá tường tận thì cái thú tham quan tưởng cũng thêm nhiều hứng vị.



Quách Giao

Tổng hợp: **L ê-Thụy-Chi**

Ngày 3/11/4893 - Giáp Ngọ (24/12/2014)

www.vietnamvanhien.net